

Số: 1039 /QĐ-UBND

Bắc Giang, ngày 19 tháng 10 năm 2022

GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BẮC GIANG

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 17/11/2020;

Căn cứ Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số 673/TTr-TNMT ngày 13/10/2022.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1: Cấp phép cho Công ty Cổ phần đầu tư xây dựng Lilama, địa chỉ trụ sở chính tại tầng 3, tòa nhà Rivera Park, số 69 đường Vũ Trọng Phụng, phường Thanh Xuân Trung, quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội được thực hiện các hoạt động bảo vệ môi trường của dự án đầu tư “Tòa nhà chung cư hỗn hợp tại lô đất C01 và X03 thuộc quy hoạch khu dân cư số 2, thành phố Bắc Giang”, địa chỉ tại lô đất C01 và X03 thuộc quy hoạch khu dân cư số 2, thành phố Bắc Giang với các nội dung như sau:

1. Thông tin chung của dự án đầu tư

1.1. Tên dự án đầu tư: Tòa nhà chung cư hỗn hợp tại lô đất C01 và X03 thuộc quy hoạch khu dân cư số 2, thành phố Bắc Giang.

1.2. Địa điểm hoạt động: Tại lô đất C01 và X03 thuộc quy hoạch khu dân cư số 2, thành phố Bắc Giang.

1.3. Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty cổ phần, mã số doanh nghiệp: 0101367050 do phòng Đăng ký kinh doanh thuộc Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp, đăng ký lần đầu ngày 23/4/2003, đăng ký thay đổi lần thứ 13, ngày 20/5/2022.

1.4. Mã số thuế: 0101367050

1.5. Loại hình sản xuất, kinh doanh, dịch vụ: Tòa nhà chung cư kết hợp thương mại, dịch vụ.

1.6. Phạm vi, quy mô, công suất của dự án đầu tư

- Phạm vi: Dự án được thực hiện tại lô đất C01 và X03 thuộc quy hoạch khu dân cư số 2, thành phố Bắc Giang với diện tích 25.170 m².

- Quy mô, công suất của dự án đầu tư: Đầu tư xây dựng Tòa nhà chung cư hỗn hợp tại lô đất C01 và X03 thuộc quy hoạch khu dân cư số 2, thành phố Bắc Giang, cụ thể:

a) Lô C01

- Diện tích lô đất là 13.665 m².

- Khối nhà chung cư hỗn hợp cao tầng bao gồm 02 tòa nhà. Tòa A (tháp A) cao 25 tầng và tòa B (tháp B) cao 18 tầng, với tổng diện tích sàn khoảng 57.371,9 m², trong đó:

+ Diện tích sàn tầng hầm khoảng 9.413 m².

+ Diện tích sàn từ tầng 1 đến tầng 3 khoảng 8.303,9 m² (dành cho sinh hoạt thể thao, vui chơi giải trí, cho thuê văn phòng, thương mại dịch vụ, bể bơi, phòng sinh hoạt cộng đồng, ...).

+ Diện tích sàn căn hộ chung cư khoảng 39.655 m².

- Nhà phố thương mại thấp tầng (shophouse) gồm 27 căn, tổng diện tích sàn xây dựng 8.523m², trong đó:

+ 25 căn shophouse bám mặt đường có diện tích sàn khoảng 8.174 m².

+ 02 căn dịch vụ tại khu vực quảng trường có diện tích sàn khoảng 349 m².

Toàn bộ khu đất được bố trí 01 tầng hầm dùng chung, có diện tích khoảng 9.413 m²; trong đó: diện tích bãi đỗ xe khoảng 7.530 m², phần diện tích còn lại khoảng 1.883 m² bố trí các phòng kỹ thuật và đường giao thông nội bộ.

- Khu vực quảng trường là không gian cây xanh, tuyến phố đi bộ, chòi nghỉ, vui chơi, giải trí ngoài trời...với tổng diện tích quy hoạch khoảng 7.922 m².

b) Lô X03

Diện tích lô đất là 11.505 m², chỉ cải tạo, xây dựng đường dạo ven hồ, trồng cây xanh cảnh quan, điện chiếu sáng, thể dục thể thao, bổ sung lan can quanh hồ để đảm bảo an toàn cho Nhân dân...phục vụ mục đích công cộng, không xây dựng công trình kinh doanh thương mại.

2. Nội dung cấp phép môi trường và yêu cầu về bảo vệ môi trường kèm theo

2.1. Được phép phát sinh nước thải và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường đối với nước thải theo quy định tại Phụ lục 1 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.2. Được phép xả khí thải ra môi trường và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 2 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.3. Bảo đảm giá trị giới hạn đối với tiếng ồn, độ rung và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 3 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.4. Yêu cầu về quản lý chất thải, phòng ngừa và ứng phó sự cố môi trường quy định tại Phụ lục 4 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.5. Yêu cầu khác về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 5 ban hành kèm theo Giấy phép này.

Điều 2. Quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của Công ty Cổ phần đầu tư xây dựng Lilama được cấp Giấy phép môi trường

1. Công ty Cổ phần đầu tư xây dựng Lilama có quyền, nghĩa vụ theo quy định tại Điều 47 Luật Bảo vệ môi trường.

2. Công ty Cổ phần đầu tư xây dựng Lilama có trách nhiệm

2.1. Chỉ được phép thực hiện các nội dung cấp phép sau khi đã hoàn thành các công trình bảo vệ môi trường tương ứng.

2.2. Vận hành thường xuyên, đúng quy trình các công trình xử lý chất thải bảo đảm chất thải sau xử lý đạt quy chuẩn kỹ thuật môi trường; có biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung đáp ứng yêu cầu bảo vệ môi trường; quản lý chất thải theo quy định của pháp luật. Chịu trách nhiệm trước pháp luật khi chất ô nhiễm, tiếng ồn, độ rung không đạt yêu cầu cho phép tại Giấy phép này và phải dừng ngay việc xả nước thải, khí thải, phát sinh tiếng ồn, độ rung để thực hiện các biện pháp khắc phục theo quy định của pháp luật.

2.3. Thực hiện đúng, đầy đủ các yêu cầu về bảo vệ môi trường trong Giấy phép môi trường này và các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường.

2.4. Báo cáo kịp thời về UBND tỉnh, Sở Tài nguyên và Môi trường, UBND thành phố Bắc Giang nếu xảy ra các sự cố đối với các công trình xử lý chất thải, sự cố khác dẫn đến ô nhiễm môi trường.

2.5. Trong quá trình thực hiện nếu có thay đổi khác với các nội dung quy định tại Giấy phép này, phải kịp thời báo cáo đến UBND tỉnh, Sở Tài nguyên và Môi trường, UBND thành phố Bắc Giang.

Điều 3. Thời hạn của Giấy phép: 10 (mười) năm, kể từ ngày Giấy phép này có hiệu lực thi hành.

Quyết định số 83/QĐ-UBND ngày 24/01/2021 của UBND tỉnh về việc phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường dự án “Tòa nhà chung cư hỗn hợp tại lô đất C01 và X03 thuộc quy hoạch khu dân cư số 2, thành phố Bắc Giang” tại lô đất C01 và X03 thuộc quy hoạch khu dân cư số 2, thành phố Bắc Giang do Công ty Cổ phần đầu tư xây dựng Lilama làm chủ dự án và các giấy phép môi trường thành phần (nếu có) hết hiệu lực kể từ ngày Giấy phép môi trường này có hiệu lực thi hành theo quy định.

Điều 4. Giao Sở Tài nguyên và Môi trường chủ trì, phối hợp với UBND thành phố Bắc Giang, cơ quan liên quan tổ chức kiểm tra việc thực hiện nội dung cấp phép, yêu cầu bảo vệ môi trường đối với dự án “Tòa nhà chung cư hỗn hợp tại lô đất C01 và X03 thuộc quy hoạch khu dân cư số 2, thành phố Bắc Giang” tại lô đất C01 và X03 thuộc quy hoạch khu dân cư số 2, thành phố Bắc Giang của Công ty Cổ phần đầu tư xây dựng Lilama được cấp phép theo quy định của pháp luật.

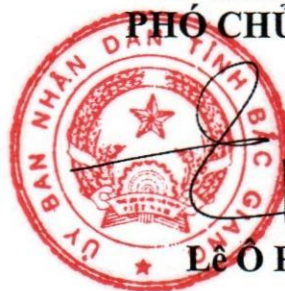
Điều 5. Giấy phép này có hiệu lực thi hành từ ngày ký.

Thủ trưởng các cơ quan: Văn phòng UBND tỉnh, Sở Tài nguyên và Môi trường, Sở Xây dựng, Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Tài chính; UBND thành phố Bắc Giang, UBND phường Xương Giang; Công ty Cổ phần đầu tư xây dựng Lilama và tổ chức, cá nhân có liên quan căn cứ Quyết định thi hành./.

Nơi nhận:

- Như Điều 5;
- Bộ Tài nguyên và Môi trường (b/c);
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- CCBVMT thuộc Sở TN&MT (lưu h/s);
- Văn phòng UBND tỉnh:
 - + LĐVP, TH, KTN;
 - + Công thông tin điện tử tỉnh;
 - + Lưu: VT, KTN.Bình.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Lê Ô Pích

Phụ lục 1
NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ NƯỚC THẢI VÀO NGUỒN NƯỚC VÀ YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ NƯỚC THẢI
(Kèm theo Giấy phép môi trường số 4039/QĐ-UBND
ngày 19/10/2022 của UBND tỉnh)

A. NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ NƯỚC THẢI

1. Nguồn phát sinh nước thải

- Nước thải sinh hoạt phát sinh từ hoạt động sinh hoạt của các hộ gia đình; từ khu thương mại, dịch vụ.

- Nước thải từ quá trình thay thế định kỳ nước bể bơi.

2. Dòng nước thải xả vào nguồn nước tiếp nhận, nguồn tiếp nhận nước thải, vị trí xả nước thải

- Dòng nước thải: Gồm 01 dòng nước thải sau trạm xử lý nước thải sinh hoạt công suất 400 m³/ngày.đêm được đầu nối vào hệ thống thoát nước thải chung của thành phố Bắc Giang.

2.1. Nguồn tiếp nhận nước thải: Hệ thống thoát nước thải chung của thành phố Bắc Giang.

2.2. Vị trí xả nước thải

- 01 vị trí tại hố ga đầu nối với hệ thống thoát nước thải chung của thành phố Bắc Giang trên đường Chu Danh Tê, khu dân cư số 2, phường Xương Giang, thành phố Bắc Giang, tỉnh Bắc Giang. Hố ga nằm ở phía Đông của dự án, tại góc giao phía sau tòa nhà dự án với mặt sau của tòa nhà liên đoàn lao động Bắc Giang, cách ranh giới đất của dự án 03m.

Tọa độ vị trí xả nước thải: X= 2354674,2675; Y= 418018,9750 (theo hệ tọa độ VN 2000, kinh tuyến trực 107⁰45', múi chiều 3⁰):

2.3. Lưu lượng xả nước thải lớn nhất: 400m³/ngày.đêm, tương đương khoảng 16,67m³/giờ (tính theo 24 giờ).

2.3.1. Phương thức xả nước thải: Nước thải sau xử lý qua trạm xử lý nước thải công suất 400 m³/ngày.đêm được bơm qua đường ống HDPE D160 dài khoảng 40m vào hố ga đầu nối với hệ thống thoát nước thải chung của thành phố Bắc Giang trên đường Chu Danh Tê.

2.3.2. Chế độ xả nước thải: Xả nước thải liên tục 24/24 giờ.

2.3.3. Chất lượng nước thải trước khi đầu nối vào hệ thống thoát nước thải chung của thành phố Bắc Giang phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và QCVN 14:2008/BTNMT, cột B - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải sinh hoạt, cụ thể như sau:

TT	Chất ô nhiễm	Đơn vị tính	Giá trị giới hạn QCVN 14:2008/BTNMT (cột B)
1.	pH	-	5-9
2.	BOD ₅	mg/l	50
3.	Tổng chất rắn lơ lửng (TSS)	mg/l	100
4.	Tổng chất rắn hòa tan	mg/l	1.000
5.	Sunfua (tính theo H ₂ S)	mg/l	4.0
6.	Amoni (tính theo N)	mg/l	10
7.	Nitrat (NO ₃ ⁻)(tính theo N)	mg/l	50
8.	Dầu mỡ động, thực vật	mg/l	20
9.	Tổng các chất hoạt động bề mặt	mg/l	10
10.	Phosphat (PO ₄ ³⁻) (tính theo P)	mg/l	10
11.	Tổng coliforms	MPN/100ml	5.000

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ NƯỚC THẢI

1. Công trình, biện pháp thu gom, xử lý nước thải

1.1. Mạng lưới thu gom nước thải từ các nguồn phát sinh nước thải để đưa về hệ thống xử lý nước thải

- Nước thải từ nhà vệ sinh

+ Nước thải từ nhà vệ sinh của các căn hộ tại tháp A và tháp B được thu gom, xử lý sơ bộ tại 01 bể tự hoại có thể tích 116,8m³ đặt tại tầng hầm của dự án trước khi dẫn về trạm xử lý nước thải công suất 400m³/ngày.đêm

+ Nước thải từ nhà vệ sinh của 25 căn shophouse được thu gom, xử lý sơ bộ tại 25 bể tự hoại có thể tích 05m³/bể tại từng căn sau đó được dẫn về trạm xử lý nước thải công suất 400m³/ngày.đêm.

- Nước thải từ nhà bếp

+ Nước thải từ nhà bếp của các căn hộ tại tháp A và tháp B được thu gom, xử lý sơ bộ tại 01 bể tách dầu mỡ thể tích 55m³ đặt tại tầng hầm của dự án trước khi dẫn về trạm xử lý nước thải công suất 400m³/ngày.đêm.

- Nước thoát sàn, nước thải từ quá trình thay thế định kỳ nước bể bơi được dẫn về trạm xử lý nước thải công suất 400m³/ngày.đêm.

1.2. Công trình, thiết bị xử lý nước thải

- Tóm tắt quy trình công nghệ hệ thống xử lý nước thải công suất 400 m³/ngày.đêm: Nước thải sinh hoạt từ nhà vệ sinh, nhà bếp sau khi được xử lý sơ bộ và nước và nước thoát sàn, nước thải từ quá trình thay thế định kỳ nước bể bơi => bể điều hòa => cụm bể SBR => bể khử trùng => hệ thống thoát nước thải chung của thành phố Bắc Giang (đạt QCVN 14:2008/BTNMT, cột B).

- Công suất thiết kế của hệ thống xử lý nước thải: 400m³/ngày.đêm.

- Hóa chất, vật liệu sử dụng:

+ Hóa chất khử trùng (Javen, Cloramin B): 438 kg/năm.

+ Cơ chất nuôi vi sinh (Metanol, mật ri đường): 730kg/năm.

1.3. Hệ thống, thiết bị quan trắc nước thải tự động, liên tục: Không thuộc đối tượng phải lắp đặt.

1.4. Biện pháp, công trình, thiết bị phòng ngừa, ứng phó sự cố hệ thống xử lý nước thải

1.4.1. Biện pháp, công trình, thiết bị phòng ngừa sự cố hệ thống xử lý nước thải

- Vận hành trạm xử lý nước thải theo đúng quy trình kỹ thuật (có nhật ký theo dõi, giám sát vận hành).

- Luôn dự trữ và có phương án thay thế các thiết bị có nguy cơ hỏng cao như: Máy bơm, phao, van, thiết bị sục khí, cánh khuấy và các thiết bị chuyên động khác,... để kịp thời thay thế khi hỏng hóc.

- Thường xuyên bảo dưỡng và duy tu, thay thế các thiết bị hỏng hóc, đảm bảo thay thế và bảo dưỡng các thiết bị vật liệu lọc, thiết bị xử lý để đảm bảo hiệu quả xử lý nước thải.

- Các hóa chất sử dụng phải tuân theo sự hướng dẫn của nhà sản xuất; không sử dụng các chất trong danh mục cấm của Việt Nam.

- Kiểm tra hệ thống thu gom và xử lý nước thải hàng ngày để có biện pháp phòng ngừa, bảo dưỡng định kỳ, kịp thời xử lý sự cố.

- Đảm bảo quy trình vận hành hệ thống xử lý nước thải theo đúng kỹ thuật, tuân thủ định mức hóa chất.

1.4.2. Biện pháp, công trình, thiết bị ứng phó sự cố hệ thống xử lý nước thải

- Dừng hoạt động hệ thống xử lý nước thải để sửa chữa, đề ra phương án khắc phục, đồng thời báo cho cơ quan chức năng để kịp thời xử lý.

- Trong trường hợp sự cố kỹ thuật, cần phải sửa chữa thiết bị máy móc của hệ thống và phải dừng hoạt động của hệ thống khắc phục sự cố trong vòng 1 ngày, thuê đơn vị chức năng đến hút nước thải đi xử lý.

- Nước thải qua hệ thống xử lý được đánh giá có thể gặp các sự cố một hoặc một số thông số ô nhiễm trong nước thải sau xử lý chưa đạt quy chuẩn cho

phép (QCCP). Tùy theo thông số ô nhiễm nào vượt QCCP mà có sự kiểm tra, điều chỉnh cụ thể:

+ Nếu pH quá thấp hoặc quá cao ngoài giới hạn QCCP thì tiến hành lấy mẫu tại bể chứa nước thải sau xử lý, kiểm tra lại, điều chỉnh định mức hóa chất sử dụng cho đến khi kiểm tra mẫu đạt.

+ Nếu thông số chất rắn lơ lửng vượt quy chuẩn cho phép, kiểm tra hiệu quả lắng của bể lắng.

- Tương tự đối với từng thông số sẽ đưa ra các biện pháp khắc phục khác nhau. Trong trường hợp sự cố phức tạp không thể tự xử lý, liên hệ với bên lắp đặt, xây dựng hệ thống để xử lý.

2. Kế hoạch vận hành thử nghiệm

2.1. Thời gian vận hành thử nghiệm: Từ tháng 11/2022 đến 01/2023

2.2. Công trình, thiết bị xả nước thải phải vận hành thử nghiệm: Trạm xử lý nước thải công suất 400 m³/ngày.đêm.

2.2.1. Vị trí lấy mẫu: Điểm xả nước thải sinh hoạt sau trạm xử lý nước thải trước khi đầu nối với hệ thống thoát nước thải chung của thành phố Bắc Giang.

2.2.2. Chất ô nhiễm chính và giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm (theo nội dung được cấp phép tại Phần A Phụ lục này)

2.3. Tần suất lấy mẫu:

STT	Vị trí lấy mẫu	Tần suất lấy mẫu	Thông số giám sát	Tiêu chuẩn so sánh
* Giai đoạn điều chỉnh hiệu suất từng công đoạn và hiệu quả của công trình xử lý nước thải (lấy mẫu tổng hợp)				
1	Nước thải đầu vào tại bể điều hòa	- Lần 1: ngày 01/11/2022. - Lần 2: ngày 16/11/2022.	Lưu lượng, pH, BOD5, Tổng chất rắn lơ lửng (TSS), Tổng chất rắn hòa tan, Sunfua (tính theo H ₂ S), Amoni (tính theo N), Nitrat (tính theo N), Phosphat (tính theo P), Dầu mỡ động thực vật, Tổng các chất hoạt động bề mặt, Tổng coliforms	QCVN 14:2008/BTNMT, cột B
2	Nước thải đầu ra tại bể khử trùng	- Lần 3: ngày 01/12/2022. - Lần 4: ngày 16/12/2022. - Lần 5: ngày 31/12/2022.		

* Giai đoạn vận hành ổn định				
1	Nước thải đầu vào tại bể điều hòa	Lấy mẫu 1 lần vào ngày 04/01/2023	Lưu lượng, pH, BOD5, Tổng chất rắn lơ lửng (TSS), Tổng chất rắn hòa tan, Sunfua (tính theo H ₂ S), Amoni (tính theo N), Nitrat (tính theo N), Phosphat (tính theo P), Dầu mỡ động thực vật, Tổng các chất hoạt động bề mặt, Tổng coliforms	QCVN 14:2008/BTNMT cột B.
2	Nước thải đầu ra tại bể khử trùng	(3 ngày liên tiếp) Dự kiến từ ngày 04/01/2023 đến ngày 06/01/2023		

2.4. Chất ô nhiễm và giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm của từng dòng thải tương ứng (theo nội dung được cấp phép tại phần A phụ lục này).

3. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường

3.1. Thu gom, xử lý nước thải phát sinh từ hoạt động của dự án đầu tư bảo đảm đáp ứng quy định về giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm tại Phần A Phụ lục này trước khi đầu nối vào hệ thống thoát nước thải chung của thành phố Bắc Giang. Không được phép lắp đặt đường ống khác để xả nước thải chưa xử lý ra môi trường.

3.2. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường khác.

- Thực hiện đúng, đầy đủ các yêu cầu về bảo vệ môi trường trong giấy phép môi trường. Trường hợp có thay đổi so với nội dung giấy phép đã được cấp, phải báo cáo cơ quan cấp giấy phép xem xét, giải quyết.

- Việc vận hành hệ thống xử lý nước thải phải có nhật ký vận hành ghi chép đầy đủ các nội dung: Lưu lượng (đầu vào, đầu ra), các thông số đặc trưng của nước thải đầu vào và đầu ra (nếu có); lượng điện tiêu thụ; loại và lượng hóa chất sử dụng, bùn thải phát sinh. Nhật ký vận hành viết bằng tiếng Việt và lưu giữ theo quy định.

- Trong quá trình hoạt động, nếu có sự cố bất thường xảy ra đối với hệ thống xử lý nước thải, Chủ dự án phải báo cáo bằng văn bản với UBND tỉnh, Sở Tài nguyên và Môi trường, UBND thành phố Bắc Giang để kịp thời xử lý.

Phụ lục 2
NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ KHÍ THẢI VÀ YÊU CẦU BẢO VỆ
MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ KHÍ THẢI
(Kèm theo Giấy phép môi trường số 1039 /QĐ-UBND
ngày 19 /10/2022 của UBND tỉnh)

1. Nguồn phát sinh khí thải: 01 nguồn phát sinh khí thải phát sinh từ trạm xử lý nước thải của dự án.

2. Dòng khí thải, vị trí xả khí thải

01 dòng khí thải sau hệ thống xử lý khí thải của trạm xử lý nước thải của dự án

2.1. Vị trí xả khí thải:

- Vị trí xả khí thải: 01 vị trí tại ống thoát khí hệ thống xử lý khí thải của trạm xử lý nước thải của dự án.

- Tọa độ vị trí xả thải: X= 2354692.184; Y= 417998.002 (theo hệ VN 2000 kinh tuyến trực 107⁰45' múi chiều 3⁰)

2.2. Lưu lượng xả khí thải lớn nhất: 5.000m³/giờ tương đương 120.000m³/ngày.đêm (01 ngày hoạt động 24 giờ).

2.2.1. Phương thức xả khí thải: Xả liên tục 24 giờ thông qua quạt hút cưỡng bức.

2.2.2. Chất lượng khí thải trước khi xả vào môi trường không khí phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và QCVN 19:2009/BTNMT-Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với bụi và các chất vô cơ và QCVN 20:2009/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về khí thải công nghiệp đối với một số chất hữu cơ, cụ thể như sau:

TT	Chất ô nhiễm	Đơn vị tính	Giá trị giới hạn cho phép		Tần suất quan trắc định kỳ
			QCVN 19:2009/BTNMT	QCVN 20:2009/BTNMT	
1	H ₂ S	mg/Nm ³	7,5	-	-
2	NH ₃	mg/Nm ³	50	-	
3	Metyl mercaptan (CH ₃ OH)	mg/Nm ³	-	15	
4	Metanol (CH ₃ OH)	mg/Nm ³	-	260	

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ KHÍ THẢI

1. Công trình, biện pháp thu gom, xử lý khí thải

1.1. Mạng lưới thu gom khí thải từ các nguồn phát sinh bụi, khí thải để đưa về hệ thống xử lý bụi, khí thải

- Khí thải phát sinh từ các bể của trạm xử lý nước thải được thu gom bằng đường ống uPVC D140 có chiều dài khoảng 70m đưa về tháp xử lý khí thải bằng quạt hút có công suất 5000m³/giờ.

1.2. Công trình, thiết bị xử lý bụi, khí thải

- Tóm tắt quy trình công nghệ: Mùi phát sinh từ trạm xử lý nước thải => Hấp phụ bằng khay than hoạt tính => thoát ra ngoài môi trường qua ống thoát khí (khí thải sau xử lý đạt QCVN 19:2009/BTNMT và QCVN 20:2009/BTNMT).

- Công suất thiết kế hệ thống xử lý khí thải: 5.000m³/giờ.

- Hóa chất vật liệu sử dụng: Than hoạt tính: 100 kg/năm.

1.3. Biện pháp, công trình, thiết bị phòng ngừa, ứng phó sự cố:

- Định kỳ kiểm tra các thiết bị hút, thoát khí thải.

- Đào tạo đội ngũ công nhân nắm vững quy trình vận hành có khả năng sửa chữa, khắc phục khi sự cố xảy ra.

- Định kỳ kiểm tra, theo dõi qua trình hoạt động bảo đảm hoạt động ổn định của hệ thống.

- Khi xảy ra sự cố phải tìm nguyên nhân và tiến hành sửa chữa, khắc phục kịp thời.

- Đối với sự cố lớn, thông báo cho cơ quan có chức năng về môi trường các sự cố để có biện pháp khắc phục kịp thời.

2. Kế hoạch vận hành thử nghiệm

Dự án không thuộc đối tượng phải vận hành thử nghiệm (theo quy định tại điểm c khoản 1 Điều 31 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP).

3. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường

3.1. Thu gom, xử lý khí thải phát sinh từ hoạt động của dự án đầu tư bảo đảm đáp ứng quy định về giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm tại Mục A Phụ lục này trước khi xả thải ra ngoài môi trường.

3.2. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường khác

- Thực hiện đúng, đầy đủ các yêu cầu về bảo vệ môi trường trong giấy phép môi trường. Trường hợp có thay đổi so với nội dung giấy phép đã được cấp, phải báo cáo với UBND tỉnh, Sở Tài nguyên và Môi trường xem xét, giải quyết.

- Thường xuyên vận hành hệ thống xử lý khí thải theo đúng quy trình, thiết kế, đảm bảo xử lý khí thải đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường.

- Trong quá trình hoạt động, nếu có sự cố bất thường xảy ra đối với các hệ thống xử lý khí thải, Chủ dự án, cơ sở phải báo cáo bằng văn bản với UBND tỉnh, Sở Tài nguyên và Môi trường, UBND thành phố Bắc Giang để kịp thời xử lý.

Phụ lục 3
BẢO ĐẢM GIÁ TRỊ GIỚI HẠN ĐỐI VỚI TIẾNG ÒN, ĐỘ RUNG
VÀ CÁC YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG
(Kèm theo Giấy phép môi trường số 1024/QĐ-UBND
ngày 14/10/2022 của UBND tỉnh)

A. NỘI DUNG CẤP PHÉP VỀ TIẾNG ÒN, ĐỘ RUNG

1. Nguồn phát sinh tiếng ồn, độ rung: 02 nguồn:

- Tiếng ồn từ các hoạt động tại khu trung tâm thương mại.
- Từ tầng hầm tại vị trí đặt máy nén khí.

2. Vị trí phát sinh tiếng ồn, độ rung: 07 vị trí

- 06 vị trí tại 6 tháp gió của khu vực shophouse. Tọa độ vị trí phát sinh tiếng ồn, độ rung:

Vị trí số 1: Tọa độ: X= 2354665,844; Y= 417964,495

Vị trí số 2: Tọa độ: X= 2354636,760; Y= 417901,551

Vị trí số 3: Tọa độ: X= 2354662,814; Y= 417885,580

Vị trí số 4: Tọa độ: X= 2354688,088; Y= 417928,433

Vị trí số 5: Tọa độ: X= 2354729,238; Y= 417912,188

Vị trí số 6: Tọa độ: X= 2354753,133; Y= 417925,410

- 01 vị trí tại vị trí đặt máy nén khí của trạm xử lý nước thải

Vị trí số 7: Tọa độ: X= 2354692,184; Y= 417998,002 (theo hệ VN 2000 kinh tuyến trục 107⁰45' múi chiều 3⁰)

3. Tiếng ồn, độ rung phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và QCVN 26:2010/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn, QCVN 27:2010/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về độ rung, cụ thể như sau:

3.1. Tiếng ồn:

TT	Từ 6-21 giờ (dBA)	Từ 21 - 6 giờ (dBA)	Tần suất quan trắc định kỳ	Ghi chú
1	70	55	-	Khu vực thông thường

3.2. Độ rung:

TT	Thời gian áp dụng trong ngày và mức gia tốc rung cho phép, (dB)		Tần suất quan trắc định kỳ	Ghi chú
	Từ 6 giờ-21 giờ	Từ 21 - 6 giờ		
1	70	60	-	Khu vực thông thường

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI TIẾNG ÒN, ĐỘ RUNG

1. Công trình, biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung

- Thường xuyên thực hiện chế độ bảo dưỡng máy móc thiết bị, lau dầu mỡ để giảm thiểu tiếng ồn, độ rung khi vận hành.
- Kiểm tra bảo dưỡng định kỳ các thiết bị gây ồn, bôi trơn các bộ phận chuyển động để giảm tiếng ồn, độ rung.
- Sử dụng đệm chống ồn, giảm rung chân được lắp tại chân của máy móc, thiết bị.
- Lắp ống giảm thanh cho các máy móc và các thiết bị gây ồn.

2. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường

Các nguồn phát sinh tiếng ồn, độ rung phải được giảm thiểu bảo đảm nằm trong giới hạn cho phép quy định tại Phần A Phụ lục này.

HA BAC

Phụ lục 4
YÊU CẦU VỀ QUẢN LÝ CHẤT THẢI, PHÒNG NGỪA
VÀ ỨNG PHÓ SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG
(Kèm theo Giấy phép môi trường số 1074/QĐ-UBND
ngày 17/10/2022 của UBND tỉnh)

A. QUẢN LÝ CHẤT THẢI

1. Chung loại, khối lượng chất thải phát sinh:

1.1. Khối lượng, chủng loại chất thải nguy hại phát sinh thường xuyên:

TT	Tên chất thải	Khối lượng phát sinh (kg/năm)
1	Bóng đèn huỳnh quang	80
2	Pin, ác quy	10
3	Giẻ lau, vải bảo vệ thải bị nhiễm các thành phần nguy hại	15
4	Các loại dầu thải khác	1
	Tổng số lượng	106

1.2. Khối lượng chất thải rắn sinh hoạt phát sinh khoảng 1.978,2kg/ngày, tương đương khoảng 59.346 kg/tháng.

Bùn thải từ trạm xử lý nước thải sinh hoạt phát sinh khoảng 1.428 kg/tháng

2. Yêu cầu bảo vệ môi trường đối với việc lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn công nghiệp thông thường, chất thải nguy hại

2.1. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải nguy hại

2.1.1. Thiết bị lưu chứa:

Bố trí 15 thùng chứa có nắp đậy loại dung tích 60 lít đặt trong kho chứa chất thải nguy hại (CTNH) để thu gom, lưu chứa riêng biệt các loại CTNH, bên ngoài thùng có dán mã số CTNH.

+ Thùng màu xanh dương đựng dầu thải. Số lượng: 05 thùng.

+ Thùng màu xanh lá đựng ác quy thải, pin, bóng đèn huỳnh quang. Số lượng: 05 thùng

+ Thùng màu vàng đựng giẻ lau dính dầu mỡ thải. Số lượng: 05 thùng.

2.1.2. Kho/khu vực lưu giữ chất thải nguy hại

- Diện tích kho: 06 m²

- Thiết kế, cấu tạo: Tường gạch, nền bê tông, có mái che, tường bao kín xung quanh, nền bê tông, có gờ chống tràn xây bằng gạch đặc tại cửa ra vào, có cửa kín ngăn mùi. Kho chứa được dán nhãn kho chứa CTNH và các biển báo CTNH theo quy định.

Khu vực lưu giữ chất thải nguy hại được trang bị các dụng cụ, thiết bị, vật liệu sau: có đầy đủ thiết bị, dụng cụ phòng cháy chữa cháy theo quy định của pháp luật về phòng cháy chữa cháy; có vật liệu hấp thụ (như cát khô hoặc mùn cưa) và xẻng để sử dụng trong trường hợp rò rỉ, rơi vãi, đổ tràn chất thải nguy hại ở thể lỏng; có biển dấu hiệu cảnh báo, phòng ngừa phù hợp với loại chất thải nguy hại được lưu giữ theo tiêu chuẩn Việt Nam về dấu hiệu cảnh báo liên quan đến chất thải nguy hại và có kích thước tối thiểu 30 cm mỗi chiều.

2.2. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt

2.3.1. Thiết bị lưu chứa: Bố trí các thùng chứa dung tích 120 lít tại các khu vực của dự án bao gồm:

- Khu chung cư hỗn hợp cao tầng: Bố trí 03 thùng chứa có nắp đậy dung tích 120lít, được dán nhãn phân loại rác theo quy định đặt tại phòng chứa rác của mỗi tầng (Tổng số lượng thùng chứa rác tại tháp A là 69 thùng chứa loại 120lít; Tổng lượng thùng chứa rác tại tháp B là 48 thùng chứa loại 120lít)

- Khu thương mại thấp tầng, đường đi tại khuôn viên dự án: Bố trí 30 thùng chứa rác có nắp đậy dung tích 120lít được dán nhãn phân loại rác theo quy định đặt tại khuôn viên của Dự án.

2.3.2. Kho/khu vực lưu chứa:

- Diện tích kho/ khu vực lưu chứa: Chất thải sinh hoạt được lưu chứa tại các nhà chứa rác thải đặt tại mỗi tầng (Tháp A có 23 nhà chứa rác thải, diện tích 5,2m²/nhà; Tháp B có 16 nhà chứa rác thải, diện tích 4,9m²/nhà)

- Kết cấu của nhà chứa rác thải: Tường xây gạch, nền bê tông, mái bê tông, có cửa kín.

B. YÊU CẦU VỀ PHÒNG NGỪA VÀ ỨNG PHÓ SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG

Tuân thủ các yêu cầu thiết kế và quy trình kỹ thuật vận hành, bảo dưỡng hệ thống xử lý nước thải, khí thải. Có kế hoạch xử lý kịp thời khi xảy ra sự cố đối với hệ thống xử lý nước thải, khí thải.

Phụ lục 5
CÁC YÊU CẦU KHÁC VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG
(Kèm theo Giấy phép môi trường số 1071/QĐ-UBND
ngày 17/10/2022 của UBND tỉnh)

Chủ dự án có trách nhiệm thực hiện:

- Tổ chức thực hiện và tự chịu trách nhiệm theo quy định của pháp luật; tiếp thu đầy đủ các nội dung, yêu cầu của Giấy phép môi trường đã được cấp.

- Thực hiện nghiêm túc các giải pháp kỹ thuật phòng chống và ứng phó sự cố môi trường, chịu trách nhiệm đền bù khắc phục hậu quả và bồi thường thiệt hại do sự cố gây ra; các quy định về an toàn lao động, an toàn giao thông, phòng cháy chữa cháy và các quy định khác có liên quan trong quá trình thực hiện Dự án. Chịu trách nhiệm sửa chữa, duy tu, xây dựng mới hoặc bồi thường trong trường hợp gây thiệt hại đến hạ tầng kỹ thuật, công trình, tài sản khác xung quanh khu vực thực hiện Dự án.

- Bố trí đủ kinh phí để thực hiện các biện pháp bảo vệ môi trường, phòng ngừa, ứng phó các sự cố về môi trường trong quá trình thực hiện Dự án; Định kỳ kiểm tra, duy tu bảo dưỡng các công trình bảo vệ môi trường để đảm bảo hiệu quả thu gom, xử lý.

- Vận hành trạm xử lý nước thải tại Dự án để thu gom, xử lý toàn bộ lượng nước thải phát sinh từ hoạt động của Dự án đảm bảo đạt QCVN 14:2008/BTNMT cột B, trước khi đầu nối vào hệ thống thoát nước thải chung của thành phố Bắc Giang đảm bảo không để hiện tượng rò rỉ, ngấm nước thải ảnh hưởng đến môi trường đất, môi trường nước, không khí khu vực.

- Xử lý toàn bộ khí thải phát sinh từ hoạt động của trạm xử lý nước thải của dự án đảm bảo đạt QCVN 19:2009/BTNMT và QCVN 20:2009/BTNMT trước khi thải ra ngoài môi trường.

- Quản lý thu gom và xử lý chất thải rắn thông thường, chất thải nguy hại phát sinh theo quy định tại: Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ; Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường.

- Thông báo kế hoạch vận hành thử nghiệm công trình, hạng mục công trình xử lý chất thải của dự án cho UBND tỉnh, Sở Tài nguyên và Môi trường, UBND thành phố Bắc Giang trước ít nhất 10 ngày kể từ ngày vận hành thử nghiệm để theo dõi, giám sát và thực hiện vận hành thử nghiệm các công trình xử lý chất thải đảm bảo theo quy định của Luật Bảo vệ môi trường và Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ.

- Các nội dung khác: Chi tiết tại Tờ trình số 673/TTr-TNMT ngày 13/10/2022 của Sở Tài nguyên và Môi trường và nội dung báo cáo đề xuất cấp Giấy phép môi trường.